

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HOÀNG SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HOÀNG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG SON ELECTRICAL REFRIGERATO TECHNIC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG SON ERT CO ., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400871527

**3. Ngày thành lập:** 16/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Trại Mít, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [hoangson88.ert@gmail.com](mailto:hoangson88.ert@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                            | 3312        |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                | 3314        |
| 3.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                               | 3320        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                       | 4659        |
| 5.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                          | 2592        |
| 6.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng           | 2593        |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu           | 2599        |
| 8.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                        | 2630        |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                    | 2640        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101        |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 12. | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 13. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 14. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 16. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322(Chính) |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                    | 4649 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653 |
| 25. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, xô đa, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh.                              | 4669 |
| 27. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Đồ ngũ kim; Sơn, vécni và sơn bóng; Kính phẳng; Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; Thiết bị và vật liệu để tự làm; Máy cắt cỏ; Các mặt hàng phòng tắm hơi. | 4752 |
| 29. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4753 |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4759 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 32. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020 |
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.                                                                                                       | 7110 |
| 34. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 35. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                         | 7730 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo quy định của pháp luật                                                                                            | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ VĂN SƠN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121839919

Ngày cấp: 25/03/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trại Mít, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Trại Mít, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121839919

Ngày cấp: 25/03/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trại Mít, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Trại Mít, Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang